

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 290/2021/DS-ST

Ngày: 30/12/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Nga**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông **Đông Văn Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án **dân sự** thụ lý số: 05/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **253/2021/QĐXXST-DS** ngày 02 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số **226/2021/QĐST-DS** ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tấn Ph**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Kim B**, sinh năm: 1961

Địa chỉ: 1664 đường L, xã V, huyện B, TP.HCM

2. Bị đơn:

+ Bà **Trương Thị Tuyết**, sinh năm: 1974

+ Ông **Võ Văn Dương**, sinh năm 1970

Địa chỉ: D4/30 Nguyễn Thị T, ấp B, xã V, huyện B, TP.HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - Ông Nguyễn Tấn Ph, do Ông Nguyễn Kim B đại diện trình bày như sau:

Ngày 01/01/2016 địa chỉ D4/30 Nguyễn Thị T, ấp B, xã V, huyện B, TP.HCM.

Ông Nguyễn Tấn Ph có cho bà Trương Thị T – sinh năm 1974, CMND số 212010072, địa chỉ D4/30 Nguyễn Thị T, ấp B, xã V, huyện B, TP.HCM

Cùng ông Võ Văn D – sinh năm 1970, địa chỉ D4/30 Nguyễn Thị T, ấp B, xã V, huyện B, TP.HCM mượn số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Số tiền trên là của riêng ông Nguyễn Tấn Ph.

Bà T có viết giấy mượn tiền ông Nguyễn Tấn Ph, giấy mượn tiền không có công chứng.

Bà T và ông D đã trả ông Nguyễn Tấn Phát 26.000.000đ tiền gốc, không có tính lãi. Số tiền trên bà T và ông D trả ông Nguyễn Tấn Ph làm 5 lần trong đó có 2 lần chuyển khoản mỗi đợt 4.000.000đ (bốn triệu đồng) do ông D chuyển khoản vào Số tài khoản 070064596525 ngân hàng Sacombank, chi nhánh Đức Hòa, Long An do ông Nguyễn Tấn Ph là chủ tài khoản trên.

Còn 3 lần trước do Ông Nguyễn Tấn Ph tự đến địa chỉ nhà ông D, bà T tại địa chỉ D4/30 T và ông D, TP.HCM nhận mỗi lần 6.000.000đ (sáu triệu đồng) ông Nguyễn Tấn Ph không nhớ các ngày nhận.

Ông Nguyễn Tấn Ph làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh buộc ông Võ Văn D và bà Trương Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Ph một lần số tiền 124.000.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu đồng). Trả một lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, **Ông Nguyễn Kim B** vắng mặt (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn - Ông Võ Văn D và bà Trương Thị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Tấn Ph khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với Bà Trương Thị T, ông Võ Văn D, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Bà Trương Thị T, ông Võ Văn D cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Nguyễn Kim B vắng mặt (có đơn xin vắng mặt); Bà Trương Thị T, ông Võ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228, điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Theo Giấy mượn tiền (giấy tay) không ghi ngày tháng năm, có thể hiện nội dung: Trương Thị T – 1974, CMND 212101072, ngày cấp 18/10/2010, số nhà: D4/30 Nguyễn Thị T, V có mượn của Nguyễn Tấn Ph số tiền là 150.000.000 đồng, đã nhận ngày 01/01/2016, người nhận: chỉ thể hiện chữ ký và ghi tên Trương Thị T.

Nhận thấy, giấy mượn tiền trên không thể hiện kỳ hạn, người nhận: không thể hiện chữ ký và tên Võ Văn D.

[4] Bên nguyên đơn xác định: Bà T và ông D đã trả ông Nguyễn Tấn Ph 26.000.000đ tiền gốc, không có tính lãi.

Yêu cầu ông Võ Văn D và bà Trương Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Ph một lần số tiền 124.000.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu đồng). Trả một lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

...

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”.

[6] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn:

“1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”.

[7] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Tấn Ph, cụ thể như sau:

Buộc bà Trương Thị T phải có trách nhiệm trả lại cho ông Ph một lần số tiền 124.000.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu đồng), trả ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực.

Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Tấn Ph về việc buộc ông Võ Văn D và bà Trương Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Ph một lần số tiền 124.000.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị T phải chịu 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Hoàn lại cho Ông Nguyễn Tấn Ph số tiền 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080740 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 466, Điều 469, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Tấn Ph.

Buộc bà Trương Thị T phải có trách nhiệm trả lại cho ông Ph một lần số tiền 124.000.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu đồng), trả ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Tấn Ph về việc buộc ông Võ Văn D và bà Trương Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Phát một lần số tiền 124.000.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị T phải chịu 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ông Nguyễn Tấn Ph số tiền 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080740 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

3. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT-HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Ngọc Hải